

BẢNG TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
(đính kèm văn bản số: /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục I

TT	Tên sông/kênh/rạch	Phạm vi		C/dài (Km)	Phân theo cấp quản lý (Km)						
		Thượng lưu	Hạ lưu		Cấp ĐB	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI
1	Sông Ba Lai	Ngã 3 Tường Đa, xã Phú Túc	Giáp biển Đông, xã Thới Thuận	59.10							59.10
2	Sông Cửa Đại	Ngã 3 sông An Hóa (vàm Giao Hòa)	Ngã 3 sông Cửa Đại - sông Thừa Mỹ	34.00		34.00					
3	Rạch Ba Tri	Cổng Ba Tri - xã Ba Tri	Sông Hàm Luông - xã Tân Thủy	6.60							6.60
4	Sông Súp	Sông Cổ Chiên - xã Phú	Kênh Chợ Lách - xã Phú Phụng	2.50						2.50	
5	Rạch Cái Gà	Sông Cổ Chiên - xã Vĩnh Thành	Sông Hàm Luông - xã Chợ Lách	6.20						6.20	
6	Sông Cái Môn	Sông Hàm Luông - xã Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành	8.70						8.70	
7	Sông Sóc Sỏi	Sông Hàm Luông - xã Tân	Sông Hàm Luông - xã Tiên Thủy	10.50					10.50		
8	Rạch Vàm Hồ	Sông Tiền - xã Tân Phú	Sông Ba Lai - xã Tân Phú	5.70						5.70	
9	Sông Giồng Trôm	Sông Bến Tre - xã Lương Phú	xã Giồng Trôm	14.40							14.40
10	Sông Hương Diêm	Sông Giồng Trôm - xã Lương Phú	Sông Hàm Luông - xã Hưng Nhượng	19.30						19.30	
11	Sông Bình Chánh	Sông Giồng Trôm - xã Giồng Trôm	Rạch Đìa Gia - xã Lương Phú	3.80						3.80	
12	Rạch Đìa Gia	Sông Bình Chánh - xã Lương Phú	Xã Châu Hoà (cầu Trung Nhuận)	6.40							6.40
13	Rạch Tài Phú	Sông Giồng Trôm	Rạch Ông Nhiều	5.40						5.40	
14	Sông Cái Cẩm	Sông Hàm Luông - Phường Bến Tre	Sông Hàm Luông - phường Bến Tre	11.60					11.60		
15	Rạch Cái Quao	Sông Mỏ Cày - xã Mỏ Cày	Sông Hàm Luông - xã Đồng Khởi	11.20						11.20	
16	Sông Cà Chát Lớn	Rạch Thơm - xã Thành Thới	Sông Cổ Chiên - xã Hương Mỹ	16.00							16.00
17	Sông Băng Cung	Sông Hàm Luông - xã Quới Diên	Ngã 3 sông Eo Lỏi - xã Thanh Hải	20.70					20.70		
18	Rạch Eo Lỏi	Sông Cổ Chiên - xã An Qui	Sông Băng Cung - xã Thanh Phong	9.50					9.50		
19	Rạch Ớt	Sông Cổ Chiên - xã An Qui	Cầu An Qui - xã An Qui	5.20					5.20		
20	Sông Mỹ Thuận	Giao với kinh Rạch Sâu tỉnh Đồng Tháp	Giao với sông Cái vồn Lớn và kênh Chà Và	10.50							10.50
21	Sông Cái Vồn Nhỏ	Giao với sông Cái vồn Lớn	Giao với sông Hậu	14.55					14.55		

TT	Tên sông/kênh/rạch	Phạm vi		C/dài (Km)	Phân theo cấp quản lý (Km)						
		Thượng lưu	Hạ lưu		Cấp ĐB	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI
22	Sông Long Hồ	Giao với sông cổ Chiên tại bến chợ phường 1 - TPVL	Giao với sông Cái Sao và sông Hoà Tịnh tại thị trấn Long Hồ	8.50			8.50				
23	Sông Cái Sao	Giao với sông Long Hồ và sông Hoà Tịnh tại thị trấn Long Hồ	Giáp sông Cái Ngang	5.90					5.90		
24	Sông Cái Ngang	Giáp sông Cái Sao	Giao với sông Ba Kè và sông Ba Càng tại thị tứ Cái Ngang	6.10					6.10		
25	Sông Ba Kè	Giao với sông Cái Ngang và sông Ba Càng	Giao sông Mang Thít	9.50			9.50				
26	Sông Cái Cá	Giao với sông cổ Chiên tại cầu Cái Cá	Giáp sông Đội Hồ	4.50					4.50		
27	Sông Đội Hồ	Giáp sông Cái Cá	Giao với kênh Bô Kê và sông Cái Cam tại cầu Ông Me Nhỏ	3.55					3.55		
28	Kênh Bô Kê	Giao với sông Đội Hồ và sông Cái Cam	Giao với sông Ba Càng	10.25					10.25		
29	Rạch Chà Và	Giao với sông Ba Càng	Giáp kênh Chà Và	2.80							2.80
30	Kênh Chà Và	Giáp rạch Chà Và	Giao với sông Cái vồn Lớn và sông Mỹ Thuận	6.80					6.80		
31	Sông Cái Vồn Lớn	Giao với kênh Chà Và và sông Mỹ Thuận	Giao với sông Hậu	4.20				4.20			
32	Sông Vũng Liêm	Giao với sông cổ Chiên	Giáp sông Bung Trường	13.70					13.70		
33	Sông Bung Trường	Giáp sông Vũng Liêm	Giáp sông Ngải Chánh	7.90					7.90		
34	Sông Ngải Chánh	Giáp sông Bung Trường	Giáp sông Trà Ngao	8.50							8.50
35	Sông Trà Ngao	Giáp sông Mang Thít	Giáp sông Ngải Chánh	14.50						14.50	
36	Sông Cái Cam	Giáp sông Cổ Chiên	Giao với kênh Bô Kê và sông Đội Hồ	9.65							9.65
37	Sông Ba Càng	Giáp rạch Cùm Nga	Giao với sông Ba Kè và sông Cái Ngang	16.00							16.00
38	Sông Mương Lộ	Giao với sông Tiền	Giao với sông cổ Chiên	5.75						5.75	
39	Sông Hoà Tịnh	Giao với sông Long Hồ và sông Cái Sao	Giáp sông Bình Hoà	1.70					1.70		
40	Sông Bình Hoà	Giáp sông Hoà Tịnh	Giáp sông Thiên Long	3.10					3.10		
41	Sông Thiên Long	Giáp sông Bình Hoà	Giáp rạch Thầy Bao	3.00						3.00	
42	Rạch Thầy Bao	Giáp sông Thiên Long	Giáp rạch Cái Mới	1.40						1.40	
43	Rạch Cái Mới	Giáp rạch Thầy Bao	Giáp sông Cái Nhum	2.60					2.60		

TT	Tên sông/kênh/rạch	Phạm vi		C/dài (Km)	Phân theo cấp quản lý (Km)						
		Thượng lưu	Hạ lưu		Cấp ĐB	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI
44	Sông Cái Nhum	Giáp rạch Cái Mới	Giao với sông Mang Thít	4.50				4.50			
45	Kênh Trà Ngoa	Từ ranh Vĩnh Long	Sông Trà Eché	11.40					11.40		
46	Kênh Trà Eché	Từ kênh Trà Ngoa	Sông Ô Chát	13.27					13.27		
47	Sông Ô Chát	Từ kênh Trà Eché	Kênh Ngang	8.00					8.00		
48	Kênh Ngang	Từ sông Ô Chát	Kênh 3/2	7.50						7.50	
49	Kênh 3/2	Từ kênh Ngang	Giao luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu	20.30					20.30		
50	Kênh Tổng Tôn	Từ kênh Trà Ngoa	Sông Cầu Kè	15.12						15.12	
51	Sông Cầu Kè	Từ kênh Tổng Tôn	Sông Hậu	4.00					4.00		
52	Kênh An Trường	Từ kênh Trà Ngoa	Sông Càng Long	12.30					12.30		
53	Sông Càng Long	Từ sông Cô Chiên	Kênh An Trường	10.00					10.00		
54	Kênh 19/5	Từ sông Trà Eché (sông Huyền Hội)	Kênh Mỹ Văn	19.20						19.20	
55	Kênh Mỹ Văn	Từ kênh 19/5 đến	Sông Hậu	6.17						6.17	
56	Kênh Long Hội	Từ kênh Trà Ngoa	Sông Tiêu Cần	16.80					16.80		
57	Sông Tiêu Cần	Từ kênh Long Hội	Sông Cần Chông	4.00					4.00		
58	Sông Ba Si	Từ kênh Trà Eché	Sông Láng Thè	6.00				6.00			
59	Sông Láng Thè	Từ sông Ba Si đến	sông Cổ Chiên	9.00					9.00		
60	Sông Cần Chông	Từ Sông Hậu	Kênh Thống Nhất	7.50					7.50		
61	Kênh Thống Nhất	Từ sông Cần Chông	Kênh Trà Vinh	21.50					21.50		
62	Kênh Trà Vinh	Từ Sông Cổ Chiên (nhánh Cung Hầu)	Kênh Thống Nhất	22.50			Cấp III - IV				
63	Sông Trà Cú	Từ sông Hậu	Kênh 3/2	12.80					12.80		
64	Sông Long Toàn	Từ sông Láng Sặc	Sông Rạch Hàm	15.20				15.20			
65	Sông Rạch Hàm (sông Láng Chim)	Từ sông Long Toàn	Cửa Cung Hầu	4.10				4.10			